

Số: 34.1201.2.1.TB-VH.C.

Bình Thuận, ngày 21 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc thay đổi, bổ sung mẫu nhãn

Kính gửi: **Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Bình Thuận**

Công ty cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Bình Thuận (“Quý cơ quan”) trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEMONA KHOÁNG CHANH đã được Quý cơ quan cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy số 62/2016/ATTPBTh_TNCB ngày 30/09/2016. (đính kèm)

Bằng Công văn này theo Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP Công ty chúng tôi thông báo về việc bổ sung mẫu nhãn sản phẩm dùng trong chương trình khuyến mại, cụ thể

- Bổ sung thông tin khuyến mại:

Mua 6 Chai Lemona tặng 2 gói (*)

(*) Mua 6 chai Nước giải khát chứa khoáng thiên nhiên có ga – Lemona khoáng chanh tặng 2 gói Cà phê hòa tan 3 trong 1 - Wake-Up Café Cao Cấp

Chương trình chỉ áp dụng trong thời gian khuyến mại.

- Bổ sung hình ảnh gói cà phê trên nhãn màng co.

Các nội dung ghi nhãn bắt buộc khác trong bản công bố giữ nguyên không đổi.

Đính kèm thông báo này là mẫu nhãn bổ sung. Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.



NGUYỄN TRỌNG HIỀN



(*) Mua 6 chai Nước giải khát chứa khoáng thiên nhiên có ga - Lemonade khoáng chanh tặng 2 gói Cà Phê Hòa Tan 3 Trong 1- Wake-up Café Cao Cấp
Chương trình chỉ áp dụng trong thời gian khuyến mại.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 9 năm 2016

GIẤY TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố hợp quy của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Địa chỉ: Vĩnh Sơn - Vĩnh Hảo - Tuy Phong - Bình Thuận

Điện thoại: 062.385.2069

Cho sản phẩm: Nước giải khát chứa khoáng thiên nhiên có ga - Lemona khoáng chanh

Do Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo tại địa chỉ: Vĩnh Sơn - Vĩnh Hảo - Tuy Phong - Bình Thuận

Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số: QCVN 6-2:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn.

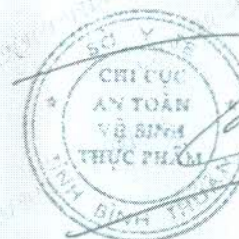
Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của Công ty, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Định kỳ 05 năm tổ chức, cá nhân phải thực hiện lại việc đăng ký bản công bố hợp quy.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo;
- Lưu: ĐK&CNSP.

CHI CỤC TRƯỞNG



Võ Dương Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn – Vĩnh Hảo – Tuy Phong – Bình Thuận

Điện thoại: 062.3852069

HỒ SƠ CẤP GIẤY TIẾP NHẬN BẢN

CÔNG BỐ HỢP QUY

NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEMONA
KHOÁNG CHANH

Thành phần hồ sơ:

1. Bản công bố hợp quy
2. Bản thông tin chi tiết sản phẩm
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Kế hoạch kiểm soát chất lượng
5. Kế hoạch giám sát định kỳ
6. Báo cáo đánh giá hợp quy
7. Giấy kiểm định bao bì chai PET
8. Nhãn sản phẩm

Năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01:2016/VH13

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo**

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: (062) 385 2069

Fax: (062) 385 2019

CÔNG BỐ

Sản phẩm: **NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEMONA
KHOÁNG CHANH**

Sản xuất tại:

E: Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Phù hợp với quy định an toàn thực phẩm:

QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn được ban hành theo Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: phương thức 1 – Thử nghiệm mẫu điển hình

Chúng tôi xin cam kết thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Bình Thuận, ngày 18 tháng 09 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Nguyễn Trọng Hiền

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH THUẬN	ĐỒ UỐNG KHÔNG CỒN	TCCS số 01:2016/VH13
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO	NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA - LEMONA KHOÁNG CHANH	Có hiệu lực từ: Ngày tháng năm 2016

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng, trong, không vẩn đục, không có cặn.
- Màu sắc: Không màu
- Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng của hương chanh, vị êm dịu, ngọt mát, hơi chua và tê lưỡi của khí CO₂, không có vị lạ

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ acid (tính theo acid citric)	g/l	1,5-1,8
2	Hàm lượng đường tổng	g/l	80-98
3	Hàm lượng CO ₂	g/l	≥ 2

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật (áp dụng theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y Tế):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ²
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

1.4. Hàm lượng kim loại nặng (áp dụng theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y Tế):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/l	0,05

2. Thành phần cấu tạo:

Nước, đường, nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo không ga (5%), CO₂ thực phẩm, chất điều chỉnh độ axit (330, 331iii), hương chanh giống tự nhiên và tổng hợp dùng trong thực phẩm, chất bảo quản (211), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950).

3. Thời hạn sử dụng:

Ngày sản xuất và thời hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm

Sử dụng tốt nhất trước: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

4.1. Hướng dẫn sử dụng:

Uống ngon hơn khi ướp lạnh

4.2. Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Bao bì: Sản phẩm đựng trong chai PET

- Thể tích thực: 500 ml; 1,5L

- Quy cách bao gói:

24 chai/ thùng đối với chai 500ml

12 chai/ thùng đối với chai 1,5L

6. Quy trình sản xuất:

Xem phụ lục 1

7. Nội dung ghi nhãn: ghi nhãn theo Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT

7.1. Tên sản phẩm: NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA - LEMONA KHOÁNG CHANH

7.2. Thành phần:

Nước, đường, nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo không ga (5 %), CO₂ thực phẩm, chất điều chỉnh độ axit (330, 331iii), hương chanh giống tự nhiên và tổng hợp dùng trong thực phẩm, chất bảo quản (211), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950).

7.3. Thể tích thực:

Trên chai 500 ml: Thể tích thực: 500 ml

Trên chai 1,5 L: Thể tích thực: 1,5 L

7.4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Hướng dẫn sử dụng: Uống ngon hơn khi ướp lạnh

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

7.5. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:

17840
CÔNG TY
Ổ PHÂN
C KHOA
NH H
NG-T.BIN

V
C
D
V
H
H

Ngày sản xuất: xem trên bao bì.

Sử dụng tốt nhất trước: 09 tháng kể từ ngày sản xuất

7.6. Sản xuất theo bản công bố sản phẩm

Số TNCB: /2016/ATTPBTh-TNCB

Số TCCS: 01:2016/VH13

7.7. Sản phẩm chất lượng của (logo Vĩnh Hảo)

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

7.8. Thông tin khác về sản phẩm:

Trên nhãn chai 500 ml; 1,5 L:

- Đóng chai tại nguồn
- Bottled at source
- Contains Natural Minerals

Trên nhãn chai 500 ml:

- Net Content: 500 ml

Trên nhãn chai 1,5 L:

- Net Content: 1,5 L

8. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

E: Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Bình Thuận, ngày 28 tháng 09 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



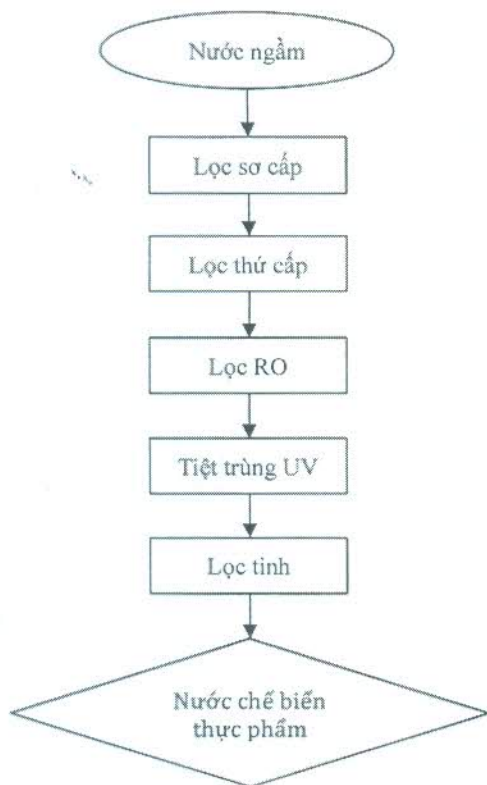
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Hiền

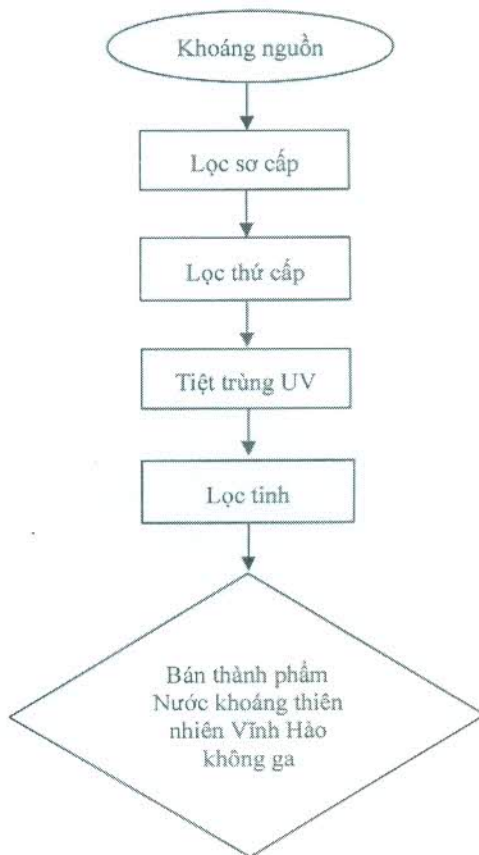


PHỤ LỤC 1

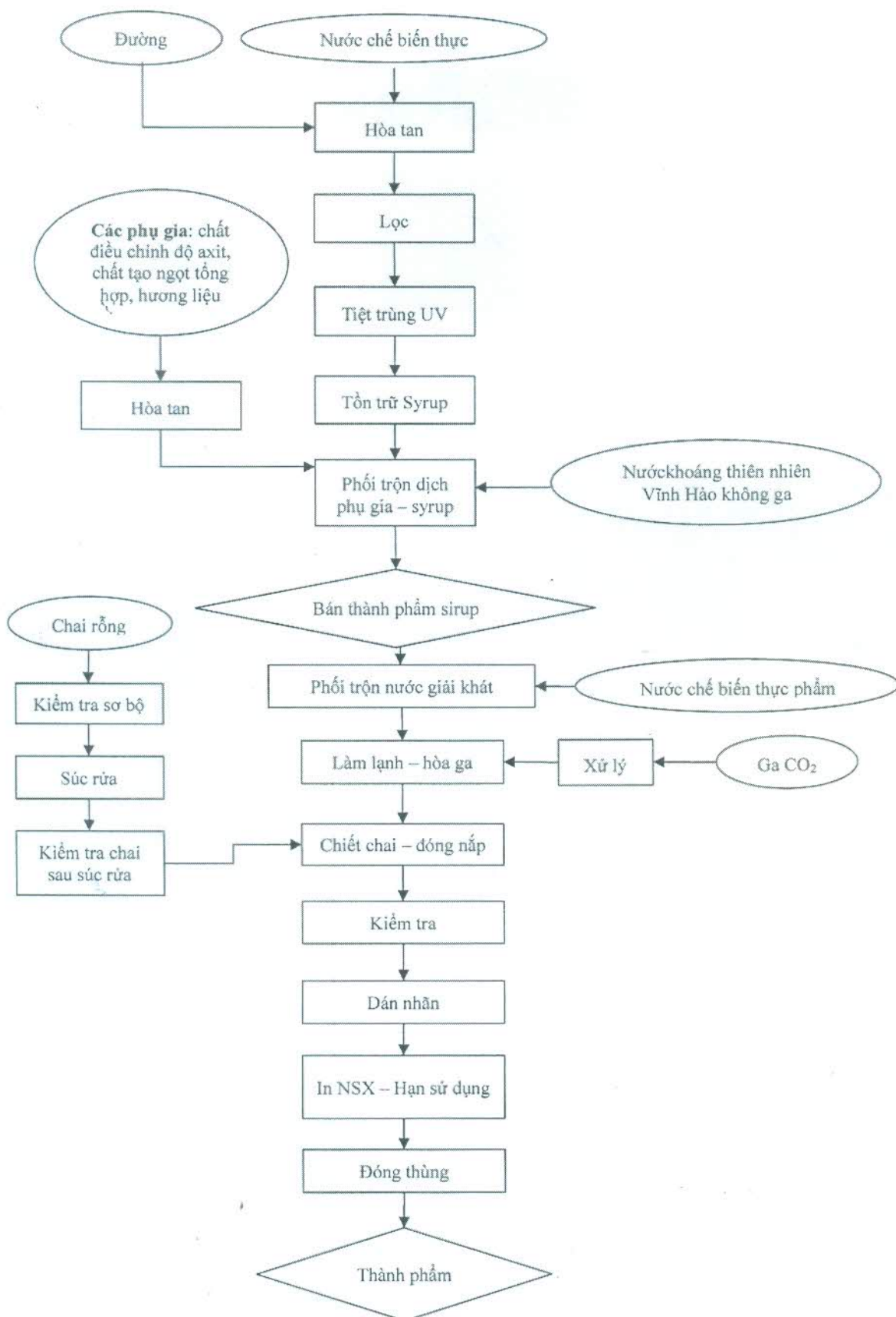
QUY TRÌNH SẢN XUẤT NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEMONA KHOÁNG CHANH



Hình 1: Quy trình sản xuất nước chế biến thực phẩm



Hình 2 – Quy trình sản xuất nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo không ga



Hình 3: Quy trình sản xuất Nước giải khát chứa khoáng thiên nhiên có ga – Lemon khoáng chanh

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Quy trình sản xuất nước chế biến thực phẩm (Hình 1)

- Nước ngầm được bơm lên từ giếng đào và giếng khoan được cho qua hệ thống bồn chứa lọc sơ cấp và thứ cấp để loại bỏ các tạp chất cơ học.
- Sau đó, nước ngầm này được tiếp tục bơm đến hệ thống hồ chứa nhà máy, tại đây nước ngầm được xử lý rong, cặn... sau đó cấp vào hệ thống thiết bị tách giảm độ cứng và qua hệ thống thẩm thấu ngược RO chuyển về bồn chứa nước khoáng hàm lượng thấp.
- Từ bồn chứa, nước xử lý được bơm chuyển qua hệ thống thiết bị tia cực tím UV để diệt trùng và hệ thống lọc tinh rồi dùng để chế biến thực phẩm.

Quy trình sản xuất Nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo không ga (Hình 2)

- Nước khoáng nguồn Vĩnh Hảo được bơm từ các giếng nước khoáng, rồi chứa vào các bồn chứa nước khoáng nguồn.
- Nước khoáng nguồn này tiếp tục được cho qua các hệ thống lọc sơ cấp, lọc thứ cấp rồi đưa qua hệ thống diệt trùng UV, lọc tinh để được bán thành phẩm Nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo không ga.

Quy trình sản xuất Nước giải khát chứa khoáng thiên nhiên có ga – LEMONA khoáng chanh (Hình 3)

- Đường được cho vào bồn để hòa tan với nước bằng hệ thống cánh khuấy cho đến khi tan hoàn toàn.
- Dịch đường được bơm chuyển qua hệ thống lọc và được diệt trùng bằng hệ thống UV rồi được chuyển về bồn chứa syrup.
- Các phụ gia (chất điều chỉnh độ axit, chất tạo ngọt, chất bảo quản, hương liệu) được hòa tan với nước trước.
- Dịch các loại phụ gia được bơm vào bồn chứa sirup, dùng hệ thống máy khuấy trộn đều.
- Nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo không ga được phối trộn vào dịch syrup theo tỷ lệ để được bán thành phẩm dịch syrup.
- Bán thành phẩm syrup sau khi được kiểm tra chất lượng được bơm qua hệ thống phối trộn để phối trộn với nước chế biến thực phẩm theo tỉ lệ thích hợp thành dịch nước giải khát.
- Sau đó, dịch nước giải khát được bơm chuyển qua hệ thống làm lạnh để hòa trộn ga CO₂. Đồng thời ga CO₂ sau khi được cho qua hệ thống xử lý làm sạch và diệt trùng cũng được cấp liên tục vào hệ thống thiết bị làm lạnh để hòa trộn vào nước giải khát.
- Nước giải khát có CO₂ được chuyển sang máy chiết rót vào chai.
- Vò chai rỗng được kiểm tra sơ bộ và cho qua máy súc rửa, diệt trùng rồi cung cấp liên tục vào máy chiết rót để tiếp nhận nước giải khát có ga CO₂.

78402

IG TY
PHÂN
KHOẠI
I HAI
T.BINH

TE
CUC
DAN
NH
PHAN

- Ra khỏi máy chiết rót, nước giải khát có ga được chuyển sang máy đóng nắp chai và tiếp tục được chuyển sang khu vực kiểm tra chất lượng sản phẩm và in NSX, dán nhãn, đóng thùng để được thành phẩm Nước giải khát chứa khoáng thiên nhiên có ga – Lemona khoáng chanh.

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: (062) 385 2069

Fax: (062) 385 2019



Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm: NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEM

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng				
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/Cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
KS1	Chai Nắp	Tiêu chuẩn bội bộ Bảng QĐKT vật tư bao bì chai, nắp	Theo quy định từng loại nguyên vật liệu	Thước kẹp, thước đo, cân phân tích, ống đong	Th
KS2	Chlorine Độ sạch chai qua máy tráng	(3-7) ppm Đạt 100%	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Máy so màu Cảm quan	MS Đa
KS3	Mùi ga CO ₂	Không có mùi lạ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Cảm quan	Th
KS4	Cặn ga CO ₂	Mất thường không thấy	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Cảm quan	Th
KS5	pH Độ cứng Vi khuẩn hiếu khí Coliforms <i>E coli</i> Nấm mốc – nấm men <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Streptococci faecal</i>	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Máy đo pH Dụng cụ chuẩn độ Môi trường PCA Môi trường TTC Môi trường TTC Môi trường DRBC Môi trường Pseudomonas Agar P	MS MS TC TC TC TC ISC TC

	Bào tử VKKK sunfit			Môi trường Slanet Môi trường TSC	TC
KS6	Độ đường thành phẩm pH Hàm lượng acid	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Brix 0 – 32% Máy đo pH Dụng cụ chuẩn độ	MS MS MS
KS7	Hàm lượng ga CO ₂ Nhiệt độ Đầu đóng nắp Khoảng cách từ nắp đến mức nước Thông tin in Cặn tạp Mùi vị Vi khuẩn hiếu khí Coliforms <i>Clostridium perfringens</i> Nấm mốc – nấm men <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Escherichia coli</i> <i>Staphylococcus aureus</i> <i>Streptococci faecal</i>	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Máy đo ga Nhiệt kế Dụng cụ đo Dụng cụ đo Môi trường PCA Môi trường VRBL Môi trường TSC Môi trường DRBC Môi trường Pseudomonas Agar P Môi trường BGGB Môi trường BP Môi trường Slanet	Th TC TC TC TC ISC TC TC TC
KS8	Dán nhãn	Theo mẫu chuẩn	Theo tiêu chuẩn nội bộ		
KS9	NSX Độ nguyên vẹn	Phải rõ ràng đúng theo tiêu chuẩn nội bộ 100% đạt yêu cầu	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Cảm quan	

KS10	Màu + độ đường	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Cảm quan	
KS11	Phụ gia pha chế	Nguồn gốc, NSX, HSD rõ ràng. Chất lượng giống mẫu chào hàng	Trước khi nhập	Cảm quan	The

Bình 1

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm: NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEMONA KHOÁNG CHANH

TT	Tên chỉ tiêu cần kiểm tra	Thời gian kiểm tra	Dự kiến cơ quan kiểm tra
	Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu		
1	Độ acid (tính theo acid citric)	01 lần/ năm Phù hợp quy định Điều 13 Thông tư số 19/2012/TT-BYT đối với sản phẩm của cơ sở có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; GMP, HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương	Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm độc lập được công nhận.
2	Hàm lượng đường tổng		
3	Hàm lượng CO ₂		
	Các chỉ tiêu vi sinh vật		
4	Tổng số vi sinh vật hiếu khí		
5	Coliforms		
6	<i>Escherichia coli</i>		
7	<i>Streptococci faecal</i>		
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>		
9	<i>Staphylococcus aureus</i>		
10	<i>Clostridium perfringens</i>		
11	Tổng nấm men và nấm mốc		
	Hàm lượng kim loại nặng		
12	Hàm lượng chì (Pb)		

Bình Thuận, ngày 28 tháng 09 năm 2016

Đại diện tổ chức, cá nhân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Hiền

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG
VĨNH HẢO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 18, tháng 09, năm 2016

Số: 01:2016/BCHQ

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY**

1. Ngày đánh giá:
2. Địa điểm đánh giá: Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo
3. Tên sản phẩm: NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEMONA KHOÁNG CHANH
4. Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: Viện Y tế công cộng TP.HCM
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:
 - Kết quả thử nghiệm của Viện Y Tế Công Cộng TPHCM – Bộ Y Tế cho thấy sản phẩm NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA – LEMONA KHOÁNG CHANH đạt yêu cầu.
 - Quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ theo Kế hoạch kiểm soát chất lượng; sản phẩm đã được đánh giá đảm bảo chất lượng trong quá trình sử dụng; thiết bị máy móc được kiểm tra bảo dưỡng đầy đủ; tuân thủ việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ và tập huấn kiến thức An toàn thực phẩm cho cán bộ công nhân viên.
7. Các nội dung khác (nếu có): Phương thức đánh giá: Phương thức 1 – thử nghiệm mẫu điển hình
8. Kết luận:
 - ☒ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.
 - ☐ Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân


Nguyễn Minh Hải




Nguyễn Trọng Hiền

Số/N^o: 010871 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 09132.16



Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
Địa chỉ/ Address : THÔN VĨNH SƠN, XÃ VĨNH HẢO, HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN
Tên mẫu/ Sample : NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA - LEMONA KHOÁNG CHANH
Ngày lấy mẫu/ Date of taking sample : 06-06-2016 / June 06th, 2016
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 06 chai x 500 mL / 06 bottles x 500 mL
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample : 06-06-2016 / June 06th, 2016
Người gửi mẫu/ Sender of sample : Lê Ngọc Lâm / Lam Ngoc Le
Người nhận mẫu/ Recipient of sample : Nguyễn Thị Xuân Diễm / Xuan Diem Thi Nguyen
Thời gian lưu mẫu/ Sample's storing period: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả / 05 days from the date of test report issued.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULTS

Stt N ^o	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Ngày kiểm nghiệm Date of testing
1	Độ Acid Acidity	TCVN 5564 - 2009	1.61 g acid citric /L	08/06/2016
2	CO ₂	TCVN 5563 - 2009 (a)	0.44 g/100mL	08/06/2016
3	Đường tổng Total sugar	HD.PP.10/TT.LH (Ref. Analytical Chemistry of food, 1995, p.194; TCVN 4594 - 1988; TCVN 4074 - 2009) (b)	96.80 g/L	09/06/2016

Ghi chú/ Notice:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm. / The test results are valid for the sample only.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm / The Institute of Public Health will not be responsible for any complaints after the sample's storing period being expired.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 / The testing is accredited according to standards ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT / The testing is accredited according to standards ISO/IEC 17025:2005 and Ministry of Health, Ministry of Industry and Trade is appointed circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 010250/VYTCC ban hành ngày 15/06/2016 về việc thay đổi tên mẫu / This test report replaces the test report N^o 010250/VYTCC issued on June 15th, 2016 about change in the name of sample

Ho Chi Minh City, June 22nd 2016

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM
Director of The Southern Regional
Testing Center for Food Safety

Ths. Bùi Đăng Thiên Hương



Đặng Văn Chính



Số/N^o: 010873 /VYTCC



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT**

Sample code: 09134.16



VILAS 219

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Địa chỉ/ Address : THÔN VĨNH SƠN, XÃ VĨNH HẢO, HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Tên mẫu/ Sample : NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA - LEMONA KHOÁNG CHANH

Ngày lấy mẫu/ Date of taking sample : 06-06-2016 / June 06th, 2016

Lượng mẫu/ Quantity of sample : 02 chai x 500 mL / 02 bottles x 500 mL

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample : 06-06-2016 / June 06th, 2016

Người gửi mẫu/ Sender of sample : Lê Ngọc Lâm / Lam Ngoc Le

Người nhận mẫu/ Recipient of sample : Nguyễn Thị Xuân Diễm / Xuan Diem Thi Nguyen

Thời gian lưu mẫu/ Sample's storing period: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả / 05 days from the date of test report issued.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULTS

Stt N ^o	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Ngày kiểm nghiệm Date of testing
1	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 1 CFU /mL	07/06/2016
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí Total aerobic plate count	AOAC 966.23 - 2005 (Rev. 2010) (b)	< 1 CFU /mL	07/06/2016
3	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) (a)	< 1 CFU /mL	07/06/2016
4	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 - 2010 (b)	< 1 CFU /mL	07/06/2016
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 - 2007 (Rev. 2010) (b)	< 1 CFU /mL	07/06/2016
6	<i>Streptococcus faecalis</i>	HD.PP.07.01/TT.VS (b)	< 1 CFU /mL	07/06/2016
7	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08.01/TT.VS (b)	< 1 CFU /mL	07/06/2016
8	Tổng số bào tử nấm mốc-men Total yeasts and moulds	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 1 CFU /mL	07/06/2016

Ghi chú/ Notice:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm. / The test results are valid for the sample only.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm / The Institute of Public Health will not be responsible for any complaints after the sample's storing period being expired.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 / The testing is accredited according to standards ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT / The testing is accredited according to standards ISO/IEC 17025:2005 and Ministry of Health, Ministry of Industry and Trade is appointed circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL: được xem là không phát hiện / < 1 CFU /mL: is not detected.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 010251/VYTCC ban hành ngày 15/06/2016 về việc thay đổi tên mẫu / This test report replaces the test report N^o 010251/VYTCC issued on June 15th, 2016 about change in the name of sample

Ho Chi Minh City, June 22nd 2016

VIỆN TRƯỞNG

Director



Đặng Văn Chính

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**

**Director of The Southern Regional
Testing Center for Food Safety**

Ths. Bùi Đăng Thiên Hương



Số/Nº: 010872 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 09133.16



Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
Địa chỉ/ Address : THÔN VĨNH SON, XÃ VĨNH HẢO, HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN
Tên mẫu/ Sample : NƯỚC GIẢI KHÁT CHỨA KHOÁNG THIÊN NHIÊN CÓ GA - LEMONA KHOÁNG CHANH
Ngày lấy mẫu/ Date of taking sample : 06-06-2016 / June 06th, 2016
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 02 chai x 500 mL / 02 bottles x 500 mL
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample : 06-06-2016 / June 06th, 2016
Người gửi mẫu/ Sender of sample : Lê Ngọc Lâm / Lam Ngoc Le
Người nhận mẫu/ Recipient of sample : Nguyễn Thị Xuân Diễm / Xuan Diem Thi Nguyen
Thời gian lưu mẫu/ Sample's storing period: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả / 05 days from the date of test report issued.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Ngày kiểm nghiệm Date of testing
1	Chì (Pb) Lead	HD.PP.34/TT.AAS - Modify AOAC 999.11:2012 (b)	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.010 mg/L	07/06/2016

Ghi chú/ Notice:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm. / The test result is valid for the sample only.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm / The Institute of Public Health will not be responsible for any complaints after the sample's storing period being expired.
- (b) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT / The testing is accredited according to standards ISO/IEC 17025:2005 and Ministry of Health, Ministry of Industry and Trade is appointed circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 010252/VYTCC ban hành ngày 15/06/2016 về việc thay đổi tên mẫu / This test report replaces the test report Nº 010252/VYTCC issued on June 15th, 2016 about change in the name of sample

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Director of The Southern Regional
Testing Center for Food Safety

Ths. Bùi Đăng Thiên Hương

Ho Chi Minh City, June 22nd 2016

VIỆN TRƯỞNG
Director



Đặng Văn Chính



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/08/2016
Page 01/04

1. Tên mẫu : CHAI NHỰA PET CÓ MÀU
Name of sample : NƠI LẤY MẪU : CN CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP - DV-TM
NGỌC NGHĨA - NM NHỰA SỐ 2
LÔ B1-8 KCN TÂY BẮC CỬ CHI, TÂN AN HỘI, CỬ CHI, TPHCM
NGÀY SẢN XUẤT : 23.06.2016
2. Số lượng mẫu : 01
Quantity
3. Mô tả mẫu : 10 chai nhựa màu xanh lá
Description : Green plastic bottles
Thông tin về tiếp xúc thực phẩm/ Food contact information
Loại thực phẩm/ Food type: Thực phẩm đa dạng/ Variety of foods
4. Ngày nhận mẫu : 19/07/2016
Date of receiving
5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - DV-TM NGỌC NGHĨA
Customer : Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh
Bến Nghé, Q.1, TP Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 20/07/2016 - 12/08/2016
Test period
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/04 - 04/04
Test result : See page

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
FOR HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LABORATORY

Nguyễn Thị Thủy Nhi

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi thử. / Test results are valid for the samples submitted samples only.
2. Không được tái sản xuất hoặc sao chép bất kỳ phần nào của báo cáo thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật. / This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of the Center.
3. Tên mẫu, đơn vị khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as submitted request.
4. Độ chính xác của kết quả đo lường tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế. / Measurement results comply with the provisions of Vietnamese law and international standards. Please contact Quality 3 at the bottom number for further information.

Head Office: 49 Pasteur, Q.1, Hồ Chí Minh City, VIET NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 3012 Website: www.qatcenter.com.vn
Branch: Road 1, Biên Hòa, Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 E-mail: qt-dichvu@qatcenter3.com.vn

Lưu trữ nội: 4

10/10-03/2012

M03/1 - TT1N09

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa Max Limit (*)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Định danh nhựa / Identification of polymer		ASTM E 1252 - 98	-	Polyalkyl terephthalate (**)
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST				
7.2 Hàm lượng chì/ Lead content	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 1, mục 1	≤ 100	< 5,0
7.3 Hàm lượng cadimi/ Cadmium content	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 1, mục 1	≤ 100	< 5,0
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 1	≤ 1	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước cất sau 30 phút ở 60 °C/ KMnO ₄ consumption in distilled water after 30 min at 60 °C,	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 2	≤ 10	< 1
7.6 Hàm lượng antimon trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ Antimony content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 1	≤ 0,05	< 0,02
7.7 Hàm lượng germani trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ Germanium content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 1	≤ 0,1	< 0,02
7.8 Hàm lượng cặn khô / Evaporation residue,		QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 5		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ In heptan after 60 min at 25 °C	µg/mL		< 30	< 5,0
• Trong ethanol 20% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ In 20% ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C	µg/mL		≤ 30	< 5,0
• Trong nước cất sau 30 phút ở 60 °C/ In distilled water after 30 min at 60 °C,	µg/mL		≤ 30	< 5,0
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,	µg/mL		≤ 30	< 5,0



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Hanoi office: 45 Phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam Tel: (84-4) 3629 4274 Fax: (84-4) 3629 4272 www.qltest3.com.vn
Isang 7 Route 1, Baon Hwa Industrial Zone, Dong Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 393 6298 qd.dich.vietnamqltest3.com.vn

017840
ÔNG TỶ
Ô PHẢI
C KHOA
NH HÃ
WG-T.BIN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT12/08/2016
Page 03/04

Ghi chú/ Note: (*) - Theo Yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT / According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT

(**) Polyethyleneterephthalate thuộc nhóm polyalkylterephthalate.

Nhận xét/ Comment:

Kết quả thử nghiệm của mẫu nhận thử phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1: 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm". The test results of the submitted sample were found satisfy the technical specification of QCVN 12-1: 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods"

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 5012 www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Bient Hoa Industrial Zone, Dong Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 qr-dictvnan@quatest3.com.vn



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-16869HD3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/01/2016
Page 01/04

- Tên mẫu**
Name of sample : **VINH HAO 500 mL BOTTLE**
(TIẾP XÚC VỚI NƯỚC UỐNG CÓ GAS)
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Mô tả mẫu**
Description : Chai nhựa trong màu xanh lá
Plastic bottle
Thông tin về tiếp xúc thực phẩm/ *Food contact information*
Loại thực phẩm/ *Food type*: nước có gas
- Ngày nhận mẫu**
Date of receiving : 18/12/2015
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY TNHH DYNAPLAST PACKAGING (VIỆT NAM)**
Số 20 Đường Số 8, KCN VSIP, Thuận An, Bình Dương
- Thời gian thử nghiệm**
Test period : 19/12/2015 – 04/01/2016
- Kết quả thử nghiệm**
Test result : Xem trang 02/04 – 04/04
See page

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LABORATORY

Nguyễn Phước Hải

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Lương Thanh Uyên

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. *Test results are valid for the sample submitted sample(s) only.*
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu. *Name of sample and customer are written at customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k=2, mức tin cậy 95%. Kết quả có thể biến đổi theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. *Estimated expanded uncertainty of measurement with k=2 at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.*

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM **Tel:** (84-8) 3829 4274 **Fax:** (84-8) 3829 3012 **Website:** www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai **Tel:** (84-61) 383 6212 **Fax:** (84-61) 383 6298 **E-mail:** qt-dichvu@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT



Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Mức yêu cầu/ <i>require ment</i> (*)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1 Định danh nhựa / <i>Identification of polymer</i>		ASTM E 1252 – 98	-	Polyethylene terephthalate
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST				
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 1, mục 1	≤ 100	< 5,0
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 1, mục 1	≤ 100	< 5,0
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 1	≤ 1	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước cất sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in distilled water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 2	≤ 10	< 1
7.6 Hàm lượng antimon trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Antimony content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 6	≤ 0,05	< 0,02
7.7 Hàm lượng germany trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Germanium content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 7	≤ 0,1	< 0,02
7.8 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i> .				
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan) after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 5	≤ 30	X
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		≤ 30	X
• Trong nước cất sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In distilled water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		≤ 30	< 5,0
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		≤ 30	< 5,0



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
Testing: * Road 1, Giản Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-51) 3829 4274
Tel: (84-61) 383 6212

Fax: (84-8) 3829 5012
Fax: (84-61) 383 6298

www.quatest3.com.vn
qt-dichvu@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT04/01/2016
Page 03/04

Ghi chú/ Note: (*) - Theo Yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT / According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT

(X) - Không áp dụng / No application

Nhận xét/ Comment:

Kết quả thử nghiệm của mẫu nhận thử phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1: 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm" / The test results of the submitted sample were found satisfy the technical specification of QCVN 12-1: 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods"

**QUATEST 3®****TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIETNAM

Tel: (84-8) 382 4274

Fax: (84-8) 3829 3012

www.quatest3.com.vn

Testing: Khu vực 1, Khu vực 1 Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-61) 383 6212

Fax: (84-61) 383 6298

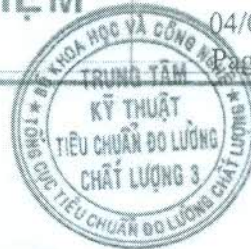
qt-dien-vi@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

04/01/2016

Page 04/04



Chuẩn bị mẫu : bổ sung 20 mL nước cất tiệt trùng vào chai mẫu, lắc đều để tráng mẫu, sau đó sử dụng lượng nước trong mẫu tiến hành phân tích theo yêu cầu khách hàng./ Adding 20 mL of distilled water into the bottle, shake gently 5 min. Use this solution for analysis according to customer's request

Tên chỉ tiêu Characteristics	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.7 Tổng số mốc/ Mold, CFU/mL	TCVN 8275-1: 2010	< 1 (**)
7.8 Tổng số men/ Total yeast, CFU/mL	TCVN 8275-1: 2010	< 1 (**)
7.9 Coliform, CFU/mL	TCVN 6848 : 2007	< 1 (**)

Ghi chú : (**) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contain no colony.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM

Tel: (84-8) 3829 4274

Fax: (84-8) 3829 3012

www.quatest3.com.vn

Testing: 7 Route, Biên Hòa Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-61) 383 6212

Fax: (84-61) 383 6298

qt-bichvui@quatest3.com.vn



2	4
---	---

190



Thánh phẩm: nước. Sách: Thánh, sách Mầu nhiệm thánh thể (hệ Bê-
nêđictô 15 thế kỷ). Thánh phẩm: chỉ (theo nghi thức) và muối (320,
1310). Lường: thánh giáo lý (mỗi năm) và tổng hợp dòng họ (thánh
phẩm, chỉ theo nghi thức (211), chỉ theo nghi thức (167), 350).
Sinh vật: theo bản gốc (211), chỉ theo nghi thức (167), 350.



Contains Natural Min

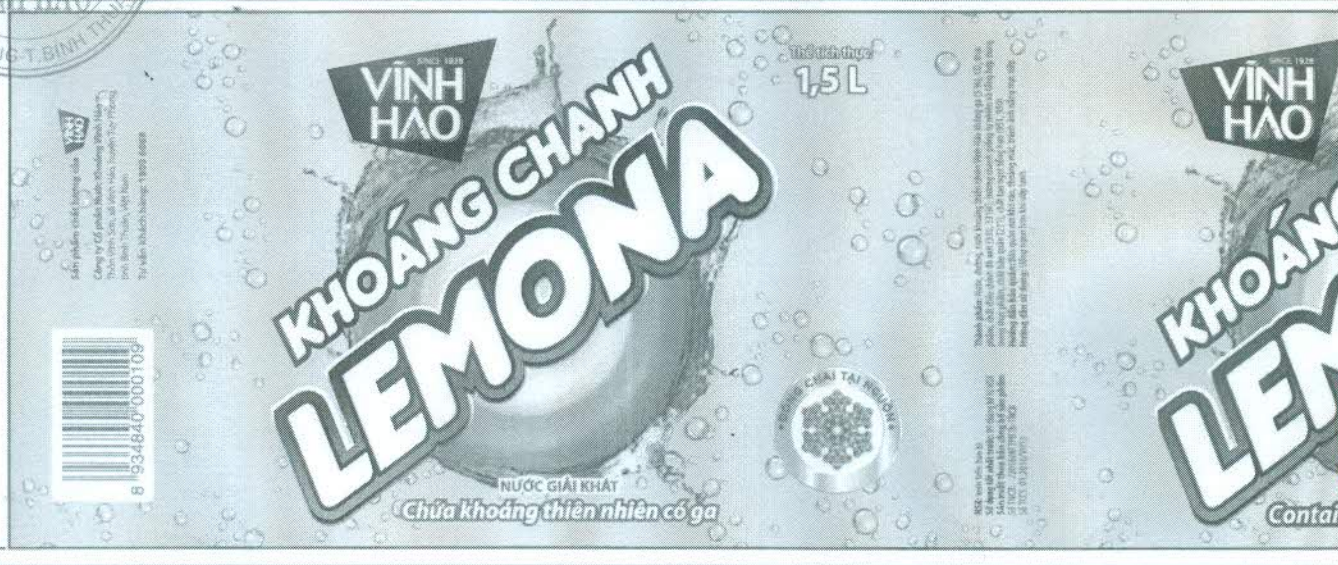


302

294

85

3



Contai